

**CÔNG TY TNHH MTV TRƯỜNG
NHẬT KON TUM**

Số:/CV-DN

V/v đề nghị cấp giấy phép môi trường
của cơ sở Cửa hàng xăng dầu Trường
Nhật

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kon Tum, ngày ... tháng ... năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy;
- Phòng TN&MT huyện Sa Thầy.

1. Chúng tôi là: Công ty TNHH MTV Trường Nhật Kon Tum, Chủ Cửa hàng xăng dầu Trường Nhật tại xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum thuộc điểm số 2 mục II Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, Cửa hàng Xăng dầu Trường Nhật thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy.

2. Địa chỉ trụ sở chính: Làng Le, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

3. Địa điểm thực hiện cơ sở: Làng Le, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6101212266 do Sở Kế hoạch đầu tư cấp lần đầu ngày 30 tháng 9 năm 2016; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 06 tháng 7 năm 2017

5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Trường Nhật Kon Tum:

- Ông Dương Đình Nhật - Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại:

Chúng tôi xin gửi đến Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Sa Thầy hồ sơ gồm:

+ 01 bản Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cửa hàng xăng dầu Trường Nhật;

+ 01 Bản sao Bản Đăng ký Cam kết Bảo vệ môi trường

Chúng tôi xin cam kết về độ trung thực của các thông tin, số liệu được nêu trong báo cáo. Nếu có gì sai trái, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

Kính đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Sa Thầy xem xét trình Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy cấp giấy phép môi trường cho cửa hàng xăng dầu nói trên, để chúng tôi được phép hoạt động theo đúng quy định pháp luật hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT.

**CÔNG TY TNHH MTV TRƯỜNG NHẬT
KON TUM**



Dương Đình Nhật

Công ty TNHH MTV TRƯỜNG NHẬT KON TUM

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CHXD TRƯỜNG NHẬT**

Địa chỉ: Làng Le, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy,
tỉnh Kon Tum

CHỦ CƠ SỞ
(Ký và ghi rõ họ tên)



CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC
Dương Đình Nhật

Kon Tum, ngày 16 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

<i>MỤC LỤC</i>	I
<i>DANH MỤC BẢNG</i>	III
<i>DANH MỤC HÌNH</i>	IV
<i>DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT</i>	V
<i>Chương I</i>	1
<i>THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ</i>	1
1.1. Tên chủ cơ sở.....	1
1.2. Tên cơ sở	1
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	2
1.3.1 Công suất hoạt động của cơ sở.....	2
1.3.2 Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	2
1.3.3 Sản phẩm của cơ sở.....	2
1.4 Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	3
1.4.1 Nguyên liệu	3
1.4.2 Nhiên liệu	3
1.4.3 Hóa chất sử dụng.....	5
<i>Chương II</i>	6
<i>SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG</i>	6
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	6
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	6
<i>Chương III</i>	7
<i>KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ</i>	7
3.1 Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	7
3.1.1 Thu gom, thoát nước mưa	7
3.1.2 Thu gom, thoát nước thải	7
3.1.3 Xử lý nước thải:	8
3.2 Công trình xử lý bụi, khí thải	11
3.3 Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	12
3.4 Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	12
3.5 Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở.....	13

3.6 Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	14
3.7 Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).....	17
3.8 Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	18
3.9 Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)	18
<i>Chương IV</i>	19
<i>NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG</i>	19
4.1 Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	19
4.2 Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	20
4.3 Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	20
<i>Chương V</i>	22
<i>KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ</i>	22
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	22
5.1.1. Nước thải đầu ra.....	22
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải	22
<i>Chương VI</i>	24
<i>CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ</i>	24
6.1. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.....	24
6.1.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	24
6.1.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:	24
6.1.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở: 24	
6.2. Kinh phí thực hiện quan trắc hằng năm.....	25
<i>Chương VII</i>	26
<i>KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ</i>	26
<i>Chương VIII</i>	27
<i>CAM KẾT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ</i>	27
<i>PHỤ LỤC</i>	28

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Quy mô CHXD.....	2
Bảng 2. Ước tính các sản phẩm bán trong 1 tháng.....	2
Bảng 3. Ước tính nhu cầu nguyên liệu sử dụng trong 1 tháng tại CHXD.....	3
Bảng 4. Nhu cầu sử dụng nước.....	4
Bảng 5. Giá trị các thông số ô nhiễm theo QCVN 29:2010/BTNMT.....	10
Bảng 6. Thành phần và số lượng CTNH.....	13
Bảng 7. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải.....	19
Bảng 8. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn.....	20
Bảng 9. Giới hạn tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ.....	21

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Sơ đồ hệ thống thu gom, tiêu thoát nước mưa.....	7
Hình 2. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải tại cơ sở	8
Hình 3. Mô hình cấu tạo hầm tự hoại	9
Hình 4. Sơ đồ công nghệ bể tách dầu	9

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BOD ₅	: Nhu cầu oxy sinh học;
BTCT	: Bê tông cốt thép;
COD	: Nhu cầu oxy hóa học;
CTNH	: Chất thải nguy hại;
ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường;
NĐ – CP	: Nghị định chính phủ;
NXB	: Nhà xuất bản;
N	: Nitơ;
SS	: Chất rắn lơ lửng;
STT	: Số thứ tự
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam;
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn;
TT - BTNMT	: Thông tư Bộ Tài nguyên Môi trường;
P	: Phốt pho;
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy;
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam;
UBND	: Ủy ban Nhân dân;
CHXD	: Cửa hàng xăng dầu.

1.2. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

1.2.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Cửa hàng xăng dầu Trường Nhật hiện đang hoạt động với tổng sức chứa xăng dầu tại cửa hàng là 50m³ trong đó:

+ Xăng: 25 m³.

+ Dầu: 25 m³.

Bảng 1. Quy mô CHXD Trường Nhật

STT	Loại bồn chứa	Số lượng	Dung tích bồn (m ³)
1	Bồn chứa xăng	01	25
2	Bồn dầu DO	01	25
Tổng cộng			50

- Số trụ bơm tại cửa hàng: 03 trụ bơm (02 cột bơm xăng và 01 cột bơm dầu).

1.2.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Đặc trưng của dự án là kinh doanh bán lẻ nhiên liệu xăng, dầu. Do đó, dự án không có các hoạt động sản xuất nên không có quy trình công nghệ sản xuất.

1.2.3. Sản phẩm của cơ sở:

Cửa hàng xăng dầu Trường Nhật kinh doanh lĩnh vực bán lẻ xăng, dầu, trong đó 01 tháng tổng sản lượng bán ra của các mặt hàng gồm (Xăng A92, Dầu DO) được ước tính với tổng sản lượng là 60 m³ cụ thể chi tiết sản lượng của từng mặt hàng được thể hiện cụ thể theo bảng dưới đây:

Bảng 2. Ước tính các sản phẩm bán trong 1 tháng

STT	Tên mặt hàng	Số lượng sử dụng trong 1 tháng (m ³)
1	Xăng E5 RON 92-II	40
2	Dầu DO	20
Tổng cộng		60

1.4 . Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước sử dụng phục vụ mục đích kinh doanh tại CHXD cụ thể như sau:

1.4.1. Nguyên liệu

Trong quá trình sản xuất kinh doanh tại CHXD Trường Nhật, sự cố cúp điện tại khu vực có thể xảy ra. Để có nguồn điện đáp ứng nhu cầu bán hàng, cửa hàng sử dụng máy phát điện để hoạt động. Khi sử dụng máy phát điện thì CHXD dùng nguyên liệu Xăng để nổ máy phát điện, ước tính nguyên liệu Xăng được sử dụng trong 1 tháng cụ thể như sau :

Bảng 3. Ước tính nhu cầu nguyên liệu sử dụng trong 1 tháng

STT	Tên mặt hàng	Số lượng sử dụng trong 1 tháng (m ³)
1	Xăng A92	40
2	Dầu DO	50
Tổng cộng		90

1.4.2. Nhiên liệu

Nhiên liệu phục vụ cho việc kinh doanh tại CHXD chủ yếu là nước, điện, Xăng, nhớt dùng để chạy máy phát điện.

- Nhu cầu sử dụng điện

• Điện chủ yếu phục vụ cho sinh hoạt, chiếu sáng, vận hành cột bơm và các thiết bị điện tử .

• Công suất tiêu thụ điện: 10 kwh/ngày đêm.

• Nguồn điện: đấu nối với tuyến hạ thế hiện hữu trước cửa hàng.

• Dự án sử dụng điện từ mạng lưới điện quốc gia.

- Xăng A92

• Do máy phát điện dự phòng không hoạt động thường xuyên và chỉ hoạt động khi hệ thống điện lưới cúp. Thực tế cho thấy lượng Xăng sử dụng khoảng 20 lít/tháng tương ứng với thời gian cúp điện là 2 giờ/tháng.

- Nhớt

• Lượng nhớt sử dụng cho việc chạy máy phát điện dự phòng là 8 lít/1.000 giờ. Lượng nhớt sử dụng phụ thuộc vào thời gian hoạt động của máy phát điện khi có sự cố cúp điện lưới.

- Nhu cầu sử dụng nước

• Nguồn nước cung cấp cho cửa hàng lấy từ nguồn nước giếng tại khuôn viên cửa hàng.

• Nhu cầu sử dụng nước của cửa hàng trong ngày được tính toán như sau:

Bảng 4. Nhu cầu sử dụng nước

STT	Hoạt động sử dụng nước	Quy mô	Nhu cầu sử dụng nước tiêu chuẩn	Nhu cầu sử dụng một ngày (lít/ngày đêm)
1. Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt (Q_{sh})				
1.1	Sinh hoạt của nhân viên	3 người	100 lít/người/ngày (Tiêu chuẩn dùng nước cho nhân viên làm việc công cộng TCVN 01:2021/BXD)	300
1.2	Sinh hoạt khách hàng	20 người	20 lít/người	400
2. Nhu cầu sử dụng nước cho mục đích công cộng (Q_{cc})				
2.1	Nhu cầu sử dụng nước cho mục đích công cộng (tưới cây, rửa đường,...) ước tính khoảng 200 lít/ngày.			
Tổng cộng				900 lít/ngày

Tổng lượng nước sạch lớn nhất cần cấp cho Cửa hàng xăng dầu Trường Nhật trong 01 ngày: $Q_{nc} = 0,9 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Lưu lượng xả thải: Theo công thức bảo toàn khối lượng lượng nước cấp dùng cho nhu cầu sinh hoạt sẽ bằng lượng nước thải phát sinh tại Cửa hàng xăng dầu Trường Nhật (không bao gồm lượng nước cấp cho mục đích công cộng) là: 700 lít/ngày đêm.

1.4.3. Hóa chất sử dụng

Cơ sở không sử dụng các hóa chất trong quá trình kinh doanh.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cửa hàng xăng dầu Trường Nhật phù hợp với quan điểm phát triển hệ thống kinh doanh xăng dầu phải đảm bảo phục vụ tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh; phù hợp với kết cấu hạ tầng và gắn kết với các quy hoạch khác có liên quan và phát triển hệ thống kinh doanh xăng dầu đúng định hướng, đảm bảo các điều kiện về kinh doanh xăng dầu theo quy định của pháp luật.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

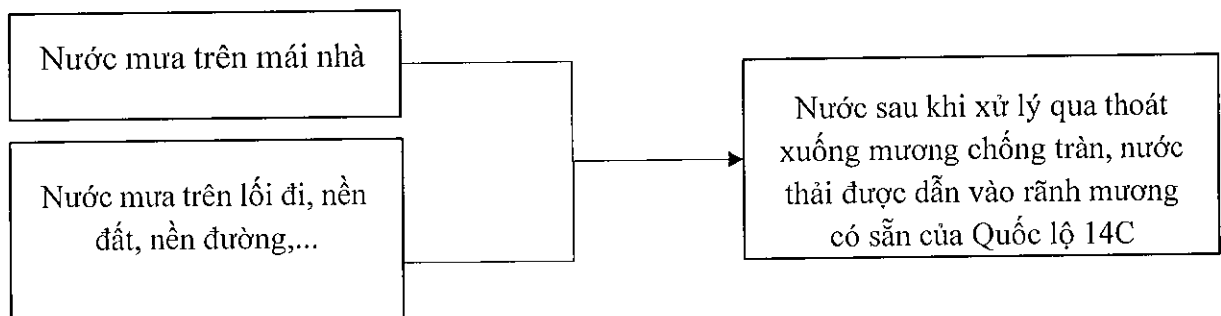
Nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở sẽ được thu gom và xử lý tại hầm tự hoại, sau đó cho tự thấm; nước thải phát sinh khi có sự cố tràn dầu xảy ra sẽ được thu gom về hố gạn dầu, nước thải sau xử lý sẽ thoát ra và tự thấm vào đất. Bên cạnh đó, lưu lượng nước thải sau xử lý lớn nhất (*bằng với lượng nước cấp cho mục đích sinh hoạt, không bao gồm nước dùng cho mục đích công cộng*) là 700 lít/ngày đêm là rất nhỏ. Cơ sở hoạt động trên đất liền, xung quanh không có sông, suối, biển, do đó, việc xả thải của dự án không gây tác động đáng kể đến môi trường xung quanh.

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1 . Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa trên các mái nhà và nước mưa chảy tràn trên nền đất, nền đường tại cơ sở sẽ theo độ dốc thiết kế thoát xuống mương bằng BTCT chống tràn chảy vào hố thu gom, sau khi xử lý xong nước thải được dẫn vào rãnh mương có sẵn của Quốc lộ 14C



Hình 1. Sơ đồ hệ thống thu gom, tiêu thoát nước mưa

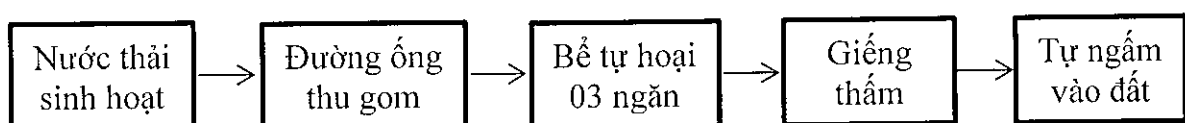
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

3.1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại Cửa hàng chủ yếu từ sinh hoạt ăn uống, tắm rửa và vệ sinh cá nhân của nhân viên và khách hàng. Số lượng nhân viên làm việc tại Cửa hàng là 03 người, số lượng khách hàng có nhu cầu vệ sinh cá nhân tại Cửa hàng.

Công trình thu gom nước thải sinh hoạt: Nước thải từ các lavabo được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D60 dẫn vào hố ga bể tự hoại để lắng cặn trước khi dẫn qua giếng thấm tự ngấm vào môi trường đất; nước thải vệ sinh cá nhân từ nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D114 dẫn vào bể tự hoại 03 ngăn (thể tích 5 m³) để xử lý.

– Công trình thoát nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn sẽ được dẫn qua giếng thấm và tự ngấm vào môi trường đất, không xả thải ra nguồn nước mặt.



Hình 1. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải sinh hoạt

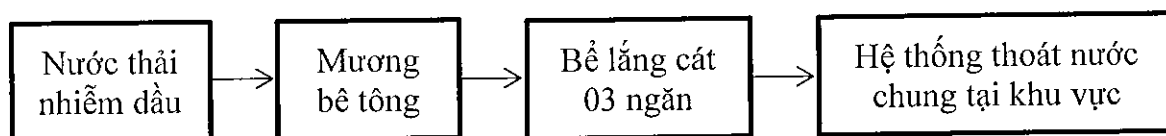
3.1.2.2. Nước thải nhiễm dầu

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, khi có sự cố xăng, dầu bị đổ tràn trên nền sàn Cửa hàng, đơn vị sẽ thực hiện vệ sinh nền sàn làm phát sinh lượng nước thải có nhiễm dầu, tuy nhiên hoạt động này chỉ thực hiện khi có sự cố xảy ra, lượng nước thải phát sinh được thu gom, xử lý qua bể lắng cát nên không gây tác động xấu đến môi trường.

– Công trình thu gom nước thải nhiễm dầu: Nước thải nhiễm dầu phát sinh được thu gom qua mương thu dầu bằng bê tông rộng 0,3m, sâu 0,3m dẫn vào bể lắng cát để xử lý.

– Công trình thoát nước thải nhiễm dầu: Nước thải sau khi qua bể lắng cát được dẫn bằng đường ống nhựa PVC D90 xả ra hệ thống thoát nước chung tại khu vực.

– Điểm xả nước thải sau xử lý: Là mương thoát nước trên Quốc lộ 14C, đây là hệ thống đường ống thoát nước chung của khu vực. Nước thải nhiễm dầu không phát sinh thường xuyên và lưu lượng không nhiều nên không gây ảnh hưởng đến khả năng thoát nước của hệ thống.



Hình 2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải nhiễm dầu

3.1.3. Xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ hoạt động của nhân viên và khách đến đổ xăng, tuy nhiên phát sinh rất ít, chỉ khoảng 700 lít/ngày, tương đương với lượng nước thải của hộ gia đình, do đó, lượng nước thải này sẽ được xử lý bằng công trình xử lý tại chỗ là Hàm tự hoại.

Nước thải nhiễm dầu trong trường hợp gặp sự cố tràn dầu lưu lượng khoảng 200 lít/ngày sẽ được thu gom và xử lý tại bể lắng, tuy nhiên trường hợp bị sự cố là rất hiếm xảy ra.

❖ Nước thải sinh hoạt:

Cơ sở đã xây dựng Hàm tự hoại với thể tích 5m³. Nước thải từ nhà vệ sinh, hố xí sẽ được dẫn về hàm tự hoại.

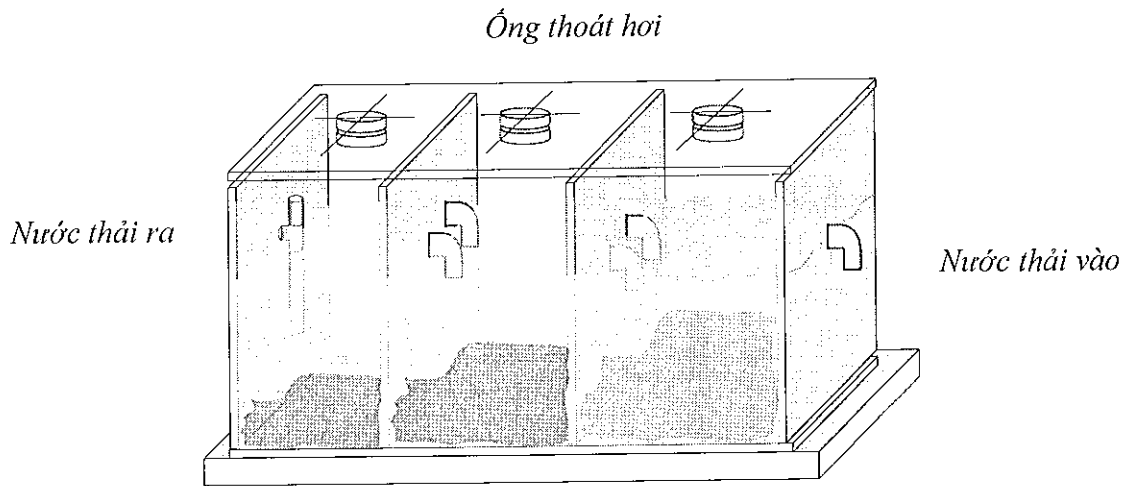
Bể tự hoại 3 ngăn được cấu tạo gồm 3 ngăn chính trong đó ngăn chứa và lên men cặn chiếm 2/3 thể tích bể, ngăn lắng và ngăn lọc mỗi ngăn chiếm 1/3 thể tích bể. Bể được xây dựng bằng gạch đặc, trát thành bể bằng vữa bê tông.

Ngăn đầu tiên của bể tự hoại có chức năng tách cặn ra khỏi nước thải. Thời gian lưu nước trong bể khoảng 90 ngày thì 90% chất rắn lơ lửng sẽ lắng xuống đáy bể.

Cặn được giữ lại trong đáy bể từ 3- 6tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy một phần, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Nước thải ở trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài đường ống dẫn. Mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy.

Cặn lắng ở dưới đáy bể bị phân hủy yếm khí khi đầy bể, khoảng 1 năm sử dụng, cặn này được hút ra theo hợp đồng với đơn vị có chức năng để đưa đi xử lý. Nước thải và cặn lơ lửng theo dòng chảy sang ngăn thứ hai. Ở ngăn này, cặn tiếp tục lắng xuống đáy, nước được vi sinh yếm khí phân hủy làm sạch các chất hữu cơ trong nước.

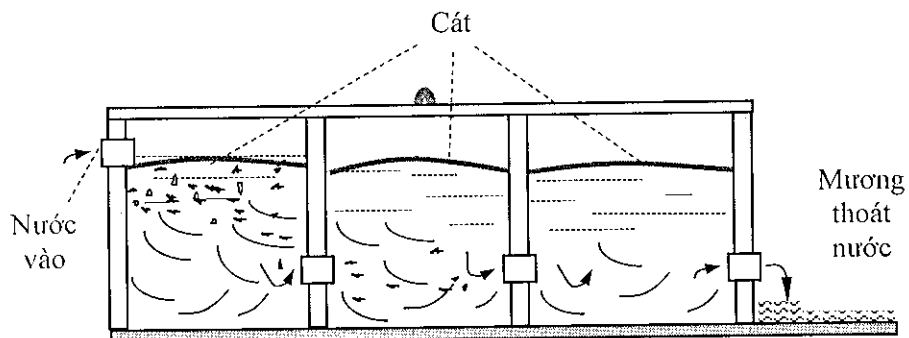
Nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại, nồng độ chất ô nhiễm đã được giảm bớt, sau đó, cho tự thấm.



Hình 3. Mô hình cấu tạo hầm tự hoại

❖ Nước thải nhiễm dầu

Toàn bộ nước thải có lẫn dầu của cơ sở theo rãnh môi trường được dẫn về hồ gạn dầu để xử lý loại bỏ hoàn toàn lượng dầu lẫn trong nước, sau đó nước sau xử lý sẽ cho tự thấm vào đất. Quy trình xử lý nước thải nhiễm dầu như sau:



Hình 4. Sơ đồ công nghệ bể tách dầu

Kết cấu: Có 3 ngăn thông nhau, Bể 01 dùng lưới lọc rác khi đó các phân có kích thước lớn sẽ được giữ lại, không đi vào đường ống. Ngăn này còn làm nhiệm vụ điều hòa tốc độ dòng chảy trong bể tách mỡ và điều chỉnh lưu lượng; Bể 2 là phần hộp chứa và tách dầu mỡ được thiết kế tương đương với lượng nước để quá trình lọc được hiệu quả nhất. Lúc này, nước thải sẽ chảy qua các hộp nhỏ, do khối lượng nhẹ hơn nên mỡ sẽ nổi lên, nước nằm ở dưới và chảy ra ngoài; Bể 3 thu gom chất thải và các tạp chất khác sau khi được tách vẫn còn ở lại trong thùng chứa. Nước sẽ được xả ra khỏi ngăn và ra khỏi bể. Có thể tách mỡ từ thùng ra để xử lý. Nước sạch sau khi tách xăng dầu sau đó sẽ cho thoát ra và tự thấm vào đất. Cần được lấy bằng phương pháp thủ công định kỳ. Dầu được vớt lên định kỳ và được bỏ vào thùng chứa chất thải nguy hại, quản lý theo đúng Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

Bể lắng cặn có dung tích 1,0m³, (D×R×C: 1x1x1 (m)). Các Bể được chủ đầu tư xây dựng đúng quy cách: các bể đều trám đáy, được đúc bê tông kiên cố. Quy mô hoạt động của cửa hàng tương đối nhỏ lượng nước thải phát sinh không thường xuyên và đều đặn nên việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải như trên là hoàn toàn phù hợp với thực tế, ít ảnh hưởng đến môi trường.

Nước sau khi được xử lý sẽ đạt chuẩn **QCVN 29:2010/BTNMT, cột B Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu** trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn nước thải sau xử lý:

Nước thải sau xử lý đạt: QCVN 29:2010/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, chi tiết được thể hiện tại Bảng sau:

Bảng 5. Giá trị các thông số ô nhiễm theo QCVN 29:2010/BTNMT

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	QCVN 29:2010/BTNMT (cột B) Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe
01	pH	-	5,5 - 9
02	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	150
03	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
04	Dầu mỡ khoáng	mg/l	30

Nguồn: QCVN 29:2010/BTNMT

3.2 . Công trình xử lý bụi, khí thải

Cửa hàng xăng dầu Trường Nhật không có các công trình xử lý bụi, khí thải. Tuy nhiên, cơ sở đã áp dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu bụi, khí thải tại cơ sở như sau:

Giảm thiểu ô nhiễm không khí từ hoạt động giao thông trong khu vực:

Toàn bộ khuôn viên dự án đã được bê tông hóa. Ngoài ra, cơ sở cũng đã trồng một số cây xanh nhằm hấp thụ bức xạ mặt trời, điều hòa các yếu tố vi khí hậu, chống ồn, hấp thụ khói bụi và những hỗn hợp khí như SO₂, CO₂, hợp chất chứa nitơ, photpho, các yếu tố vi lượng độc hại khác như Pb, Cu, Fe,...

Thường xuyên tưới đường và rửa đường để ngăn ngừa bụi phát tán khi các phương tiện giao thông đi qua.

Quy định tốc độ khoảng 3km/h khi các xe lưu thông trong khuôn viên Cơ sở.

Giảm thiểu khói bụi do hoạt động của máy phát điện dự phòng:

Máy phát điện dự phòng của dự án chỉ được vận hành khi có sự cố mất điện lưới. Do đó, nguồn ô nhiễm phát sinh từ máy phát điện dự phòng chỉ mang tính gián đoạn, không thường xuyên, mức độ tác động đến môi trường không cao. Tuy nhiên, để giảm thiểu khí thải từ máy phát điện dự phòng, Cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp;

Có sử dụng ống khói cho máy phát điện;

Vị trí máy phát điện đặt cuối hướng gió và đặt cách xa so với các nhà nghỉ, nhà hàng,...

Để hạn chế lượng khí thải ô nhiễm phát sinh từ máy phát điện, Cơ sở đã đầu tư mua máy mới. Đồng thời, máy phát điện được mua kèm với cụm thùng chứa cách âm, giảm khí thải;

Máy phát điện được đặt trong phòng có tường dày, và được đặt trên bệ bê tông chắc chắn, có chèn lớp cao su đàn hồi để giảm độ rung, hạn chế tiếng ồn khi máy phát điện hoạt động;

Bố trí nhân viên bảo trì thường xuyên kiểm tra định kỳ, bảo trì, bảo dưỡng để phát hiện và giải quyết kịp thời sự cố.

3.3 Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Tổng số nhân viên và khách ra vào cơ sở dự kiến là 20 người/ngày, với hệ số phát thải trung bình là 0.1 kg/người/ngày, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh dự kiến là 2 kg/ngày.

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở chủ yếu là thức ăn thừa, chai, lọ, bao nilon, bao bì,...

Để hạn chế chất thải sinh hoạt phát sinh và đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực dự án, cơ sở tiến hành thực hiện các biện pháp sau:

- Yêu cầu nhân viên và khách đến đổ xăng bỏ rác đúng nơi quy định, không vứt bừa bãi.

- Bố trí thùng chứa chất thải có nắp đậy xung quanh khu vực dự án.
- Cuối mỗi ngày làm việc, tập kết tất cả rác thải sinh hoạt được thu gom tập trung về khu vực chứa rác.
- Công ty hợp đồng với đơn vị địa phương đến thu gom hàng ngày và xử lý đúng quy định.
- Đối với rác thải được phân loại là lon bia, nước ngọt, bao bì giấy được thu gom và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.
- Để tránh tình trạng chất thải rắn tràn lan hay bị phân huỷ bởi các thành phần trong môi trường, toàn bộ lượng chất thải phát sinh trong cơ sở được gom 1 ngày/lần. Đồng thời bố trí nhân viên dọn dẹp, thu gom rác thừa rơi vãi sau khi thu gom và vệ sinh khu vực tập kết rác tránh gây ra mùi hôi, mỹ quan của cơ sở.

3.4 Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Kho chứa chất thải nguy hại: Kho lưu chứa có kích thước chiều dài 2m và chiều rộng 3m; được bố trí sao cho nguy cơ cháy hay đổ tràn là thấp nhất và phải bảo đảm tách riêng các chất không tương thích như đã quy định của Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10/1/2022. Kho được xây kín, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải; khu vực được trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.

Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở ước tính khối lượng khoảng 1,2kg/tháng. Cụ thể như sau:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/tháng)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	0.2	160106
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	1	18 02 01
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	0	19 06 01
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	0	17 02 03
Tổng số lượng			1,2	

Bảng 6. Thành phần và số lượng CTNH

- Chất thải nguy hại phát sinh sẽ được thu gom và phân loại chứa vào 03 thùng nhựa có nắp đậy, đối với chất thải nguy hại dạng lỏng được chứa trong thùng có nắp đậy kín, chặt. Thùng chứa có dán nhãn phân biệt và mã số phân loại chất thải nguy hại, lưu chứa ở khu vực chứa rác nguy hại riêng của cơ sở. Cơ sở sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại đúng quy định với tần suất 1 lần/năm .

3.5 . Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở:

*** Tiếng ồn và độ rung từ máy phát điện dự phòng:**

Vấn đề đáng quan tâm nhất khi sử dụng máy phát điện dự phòng là tiếng ồn phát ra khi vận hành máy. Vì đây là cơ sở kinh doanh cho nên vấn đề hạn chế tối đa tiếng ồn lớn gây ảnh hưởng đến các khu vực xung quanh là điều quan trọng nhất. Để giảm thiểu tiếng ồn và độ rung từ máy phát điện dự phòng, cơ sở đã áp dụng các biện pháp để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung như sau:

Máy phát điện dự phòng được bố trí trong phòng cách xa khu vực làm việc và có đệm chống rung.

Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy phát điện, máy bơm,... để giảm rung.

Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện thường xuyên nhằm phát hiện kịp thời các sự cố gây ra ồn, rung lớn.

*** Tiếng ồn phát sinh tại các khu vực khác trong cơ sở:**

Tiếng ồn phát sinh từ sinh hoạt hằng ngày của nhân viên, khách đến đồ xăng và các phương tiện lưu thông trên đường ..., tuy nhiên, loại ô nhiễm này khó kiểm soát và thường thì không gây ảnh hưởng và tác động xấu đến môi trường nên được xem là không đáng kể, biện pháp chống ồn thường được áp dụng là trồng cây xung quanh khu vực và có khoảng cách ly an toàn đối với nguồn gây ồn.

*** Yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung:**

Tiếng ồn và độ rung của cơ sở được áp dụng theo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.6 . Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

Công ty có các phương án thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại cơ sở như sau:

*** Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu:**

Tất cả các hoạt động (đặc biệt là hoạt động nhập xuất xăng dầu) phải được dừng ngay lập tức cho đến khi sự cố được xử lý hoàn toàn.

Bước 1: Thông báo, báo động:

- Thông báo nội bộ: Bất cứ cá nhân nào khi phát hiện sự cố đều phải thông báo kịp thời đến ban lãnh đạo, cửa hàng trưởng và các nhân viên trong cửa hàng.

- Thông báo đến các cơ quan quản lý có liên quan: Khi sự cố vượt quá khả năng ứng phó của cơ sở, thì cửa hàng trưởng phải nhờ sự hỗ trợ từ các cơ quan quản lý có liên quan như: Ủy ban nhân dân Huyện Sa Thầy, Công an Huyện Sa Thầy, Đội Phòng cảnh sát PCCC Công an tỉnh Kon Tum, (trường hợp cháy, nổ, cứu nạn), Ban chỉ huy Phòng chống Thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn huyện Sa Thầy, Bộ Chỉ huy Quân sự huyện Sa Thầy, Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Sa Thầy, ..., Bệnh viện đa khoa huyện Sa Thầy.

- Thông báo đến các khu vực lân cận: Dùng loa thông báo đến các khu vực lân cận để các đối tượng xung quanh và lân cận chủ động phòng ngừa, ứng phó sự cố. Như thế người dân sẽ có thời gian để sơ tán người già và trẻ em ra khỏi khu vực có khả năng dầu tràn đi qua.

- Ngoài việc kêu gọi hỗ trợ từ các cơ quan, Công ty phải kêu gọi hỗ trợ từ các đơn vị của các cửa hàng xăng dầu lân cận bên ngoài.

Bước 2: Xử lý sự cố

Đội trưởng đội ứng phó tràn dầu cơ sở lập tức huy động lực lượng có mặt tại hiện trường thực hiện mọi khả năng hiện có để chặn đứng nguồn gây dầu tràn bằng các thiết bị, công cụ ứng phó sự cố tràn dầu.

Bước 3:

Các chất thấm dầu và dầu bẩn được thu gom, lưu trữ tại các phuy chứa chất thải nguy hại được bố trí tại khu vực dành riêng có mái che tránh nắng mưa chiếu trực tiếp. Thùng phuy chứa chất thải nguy hại phải đảm bảo không bị rò rỉ, không bị tràn hoặc gây ô nhiễm ra môi trường đất và nước ngầm. Sau đó Công ty hợp đồng với đơn vị đủ điều kiện hành nghề vận chuyển, xử lý tiêu hủy chất thải nguy hại theo quy định.

Bước 4: Báo cáo sự cố

Sau khi ngăn chặn được nguồn dầu tràn và làm sạch hiện trường thì chỉ huy hiện trường có nhiệm vụ báo cáo đến các bên có liên quan – khi đó hoạt động của các phương tiện bơm xuất tại cửa hàng mới được phép tiếp tục hoạt động.

Bước 5: Bồi thường thiệt hại

Ban chỉ huy ứng phó khẩn cấp phân công chỉ huy hiện trường và cửa hàng trưởng phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức công tác tiến hành, công tác

đánh giá mức độ ảnh hưởng đến môi trường do sự cố gây ra, điều tra thống kê các thiệt hại kinh tế và công tác xử lý làm sạch môi trường sau sự cố; Giải quyết khiếu nại liên quan đến công tác đền bù thiệt hại (nếu có): Kinh phí giải quyết bồi thường thiệt hại sẽ do cơ quan bảo hiểm chi trả và từ nguồn tài chính của doanh nghiệp.

Kết thúc ứng phó

Cửa hàng trưởng sẽ là người chịu trách nhiệm ra quyết định kết thúc các hoạt động ứng phó. Riêng trong trường hợp có sự trợ giúp của lực lượng chức năng thì người ra quyết định tạm dừng ứng phó sẽ do lực lượng chức năng quyết định. Có thể căn cứ vào tình hình cụ thể để quyết định việc tạm dừng hoặc kết thúc hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu tại một, nhiều khu vực hay toàn bộ chiến dịch ứng phó.

*** Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:**

Tại mỗi khu vực tại cơ sở đều được trang bị hệ thống PCCC riêng đảm bảo bán kính phục vụ cho toàn khu vực dự án, bao gồm:

- + Bình chữa cháy MFTZ35: 2 cái
- + Bình chữa cháy MFZ8: 6 cái
- + Bình chữa cháy MFZ4: 3 cái
- + Bình chữa cháy khí CO₂ MT3: 2 cái.

- Đường nội bộ trong cơ sở được thiết kế rộng, đảm bảo xe chữa cháy ra vào dễ dàng.

- Có kế hoạch định kỳ kiểm tra các phương tiện, thiết bị PCCC.

- Bên cạnh đó, để tránh hiện tượng quá tải điện, các biện pháp sau được áp dụng tại cơ sở:

- + Chọn tiết diện dây dẫn phù hợp với dòng điện sử dụng.
- + Những nơi cách điện bị dập, nhựa cách điện bị biến màu là những nơi dễ phát ra lửa khi dòng điện quá tải cần được thay dây mới.
- + Khi sử dụng mạng điện và các máy móc thiết bị phải có những bộ phận bảo vệ như cầu chì, role,...

Phòng cháy do chập mạch: để đề phòng chập mạch, các khu chức năng có áp dụng các biện pháp như sau:

- + Khi mắc dây điện, chọn và sử dụng thiết bị điện phải theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn như dây điện trần phía ngoài nhà phải cách xa nhau 0,25m.
- + Nếu dây dẫn tiếp xúc với kim loại mòn, vì vậy cấm dùng đinh, dây thép để buộc giữa dây điện.
- + Các dây điện nối vào phích cắm, đui đèn,... phải chắc và gọn, điện nối vào mạch rẽ ở hai đầu dây nóng và nguội không được trùng lên nhau.
- + Phòng chống cháy trạm biến áp: nếu máy áp làm việc quá công suất (hiện tượng ống báo nhiệt độ hoặc đồng hồ chỉ số quá an toàn) nên kiểm tra nhiệt độ.
- + Nếu thấy phía thành nắp máy biến áp thể ngửi mùi khét và có khói trắng

thì phải ngưng ngay hoạt động của máy.

+ Phòng đặt máy biến áp được xây dựng bằng vật liệu không cháy, cửa làm bằng vật liệu không cháy và mở ngoài. Trong các phòng máy biến áp không được để những vật gì khác.

+ Phòng trang bị phương tiện chữa cháy, bình CO₂, cát, xẻng, sào cắt điện.

*** Biện pháp chữa cháy thiết bị điện:**

- Trước khi chữa cháy thiết bị điện phải ngắt nguồn điện rồi mới tiến hành cứu chữa. Nếu cháy nhỏ có thể dùng bình CO₂ để cứu chữa. Khi đám cháy đã phát triển lớn thì tùy tình hình cụ thể mà quyết định phương pháp cứu chữa thích hợp.

- Khi gặp điện, người chữa cháy phải được trang bị các dụng cụ bảo hộ như sào cách điện, bục cách điện, ủng, găng tay và kéo cắt điện. Những dụng cụ này phải ghi rõ điện áp cho phép sử dụng.

*** Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố đối với chất thải nguy hại:**

Thực hiện theo hướng dẫn tại Mục 4 quản lý và xử lý chất thải nguy hại, điều số 35 khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 Cụ thể như sau:

- Chất thải nguy hại phát sinh tại dự án được thu gom, dán nhãn, ghi mã số sau đó lưu trong các thùng chứa có nắp đậy, không để nước mưa chảy tràn cuốn theo CTNH;

- Thu gom toàn bộ lượng dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn,... Không để các CTNH cùng các rác thải thông thường.

- Hạn chế tối đa sửa chữa xe, máy móc, thiết bị tại khu vực dự án.

- Bố trí nhân viên thu gom, có phương án phòng ngừa CTNH khi có sự cố như cháy nổ, nước mưa chảy tràn.

- Thiết kế kho lưu trữ chất thải nguy hại: Được thiết kế sao cho nguy cơ cháy hay đổ tràn là thấp nhất và phải bảo đảm tách riêng các chất không tương thích như đã quy định trong TCVN 3890:2021. Vật liệu xây dựng kho phải là vật liệu không dễ bắt lửa và khung nhà phải được gia cố chắc chắn bằng bê tông hay thép. Tốt hơn nên bọc cách nhiệt khung thép. Vật liệu cách nhiệt là vật liệu không bắt lửa chẳng hạn như len khoáng hay bông thủy tinh. Vật liệu thích hợp nhất vừa chống cháy vừa làm tăng độ bền và độ ổn định là bê tông, gạch đặc hay gạch bê tông. Ống dẫn hay dây điện bắt xuyên qua tường chống cháy phải được đặt trong các nắp chụp chặn bắt lửa.

3.7. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)

Cửa hàng xăng dầu Trường Nhật thuộc loại hình kinh doanh, bán lẻ xăng dầu và đã đi vào hoạt động từ năm 2017 ngoài ra Cơ sở nằm trong quy hoạch phát triển hệ thống kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Kon Tum, do đó không có kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

Chương IV
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1 Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải:
 - + Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt của khách và nhân viên trong cơ sở.
 - + Nguồn số 2: Nước vệ sinh nền bãi nhiễm dầu.
 - + Nguồn số 3: Nước mưa chảy tràn trên khu vực nền bãi có nhiễm dầu.
- Dòng nước thải:
 - + Dòng số 1: Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại hầm tự hoại cho tự thấm ra đất.
 - + Dòng số 2: Nước thải vệ sinh nền bãi nhiễm dầu sau xử lý tại mương hố ga chống tràn cho tự thấm ra đất.
 - + Dòng 3: Nước mưa chảy tràn trên khu vực nền bãi có nhiễm dầu sau xử lý tại mương hố ga chống tràn cho tự thấm ra đất.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Bảng 7. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	QCVN 29:2010/BTNMT (cột B) Cơ sở không có dịch vụ rửa xe
01	pH	-	5,5 - 9
02	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	150
03	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
04	Dầu mỡ khoáng	mg/l	30

- Vị trí, phương thức xả thải, nguồn tiếp nhận:
- + Vị trí xả nước thải:
 - + Vị trí 1: Nước thải có lẫn dầu. Tọa độ X: 1589292, Y: 0503524
 - * Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 200 lít/ngày
 - + Vị trí 2: Nước thải sinh hoạt. Tọa độ X: 1589312, Y: 0503437
 - * Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 700 lít/ngày
 - + Vị trí 3: Nước mưa chảy tràn. Tọa độ X: 1589361, Y: 0503476
 - * Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Tùy thuộc vào lượng mưa thực tế
- + Phương thức xả thải:

- Nước thải có lẫn dầu: sau xử lý tại hố ga dầu sẽ cho thoát ra tự ngấm vào đất.
 - Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại hầm tự hoại và tự thấm vào đất.
 - Nước mưa chảy tràn sau khi mưa được thu gom về mương chống tràn và được xử lý tại hố ga sau đó tự thấm vào đất.
- + Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn.
- + Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi xử lý và tự thấm vào đất tại khuôn viên CHXD.

4.2 Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Lĩnh vực hoạt động của cơ sở là kinh doanh bán lẻ xăng dầu, khí thải phát sinh chủ yếu từ các phương tiện ra vào Cửa hàng và máy phát điện dự phòng,...Tuy nhiên, các nguồn thải này không tập trung và không thu gom, xử lý được nên không thuộc đối tượng phải cấp phép xả thải.

4.3 Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:
- + Nguồn phát sinh: Khu vực đặt máy phát điện, hoạt động giao thông tại CHXD và hoạt động nhập hàng, bán hàng tại CHXD.
- Vị trí xả thải: Tọa độ X: 1589292, Y: 0503524
- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Bảng 8. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn

(theo mức âm tương đương, dBA)

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức âm tương đương cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ
		6 giờ - 21 giờ	21 giờ - 6 giờ	
1	Khu vực đặc biệt	55	45	01 lần/năm
2	Khu vực thông thường	70	55	01 lần/năm

Bảng 9. Giới hạn tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ
		6 giờ - 21 giờ	21 giờ - 6 giờ	
1	Khu vực đặc biệt	60	55	01 lần/năm
2	Khu vực thông thường	70	60	01 lần/năm

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cụ thể:

Căn cứ khoản 2, Điều 111, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì Cửa hàng xăng dầu Trường Nhật không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc định kỳ đối với nước thải.

Căn cứ khoản 2, Điều 112, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì Cửa hàng xăng dầu Trường Nhật không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc định kỳ đối với bụi, khí thải công nghiệp.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.

6.1.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

Căn cứ khoản 2 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì cơ sở Cửa hàng xăng dầu Trường Nhật không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc định kỳ đối với nước thải.

Căn cứ khoản 2 Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì cơ sở Cửa hàng xăng dầu Trường Nhật không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc định kỳ đối với bụi, khí thải công nghiệp.

6.1.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Căn cứ khoản 1 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì cơ sở Cửa hàng xăng dầu Trường Nhật không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải.

Căn cứ khoản 1 Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì cơ sở Cửa hàng xăng dầu Trường Nhật không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc tự động, liên tục đối với bụi, khí thải công nghiệp.

6.1.3. Hoạt động quan trắc môi trường theo đề xuất của chủ cơ sở:

Công ty TNHH MTV Trường Nhật Kon Tum đề xuất thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ 01 lần/năm theo quy định của như sau:

+ Nước ngầm.

- Vị trí: Giếng nước, Tọa độ: X: 1605867, Y: 0526502
- Tần suất quan trắc: 01 năm/lần.
- Thông số giám sát: pH, độ đục, chất rắn lơ lửng, COD, Fe, dầu mỡ khoáng và Coliform
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT

+ Không khí

- Vị trí: Trung tâm CHXD, Tọa độ: X: 1605904, Y: 0526491
- Tần suất quan trắc: 01 năm/lần.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, bụi lơ lửng, tiếng ồn, CO, SO₂, NO₂

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT

6.2. Kinh phí thực hiện quan trắc hằng năm:

Quá trình kham khảo Đơn vị chúng tôi dự kiến kinh phí cho từng hoạt động Giám sát cụ thể như sau:

- Giám sát môi trường nước ngầm: 1.200.000 đồng

- Giám sát Môi trường không khí: 1.700.000 đồng

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Cơ sở trong thời gian hoạt động đảm bảo thực hiện đúng các quy định về môi trường, không có kiểm tra, thanh tra về công tác bảo vệ môi trường.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

Công ty TNHH MTV TRường Nhật Kon Tum cam kết các nội dung, thông tin trong hồ sơ và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Công ty TNHH MTV TRường Nhật Kon Tum xin cam kết:

- Xả nước thải theo nội dung giấy phép được cấp, không xả nước thải chưa đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia vào nguồn nước, ra ngoài môi trường dưới bất kỳ hình thức nào và tuân thủ các nghĩa vụ theo Quy định tại Khoản 2 Điều 38 Luật tài nguyên nước;
- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, ứng phó, phối hợp với cơ quan quản lý khắc phục sự cố môi trường;
- Bồi thường thiệt hại trong trường hợp gây ra ô nhiễm, sự cố môi trường;
- Quan trắc, giám sát hoạt động vận hành hệ thống xử lý nước thải và hoạt động xả thải vào nguồn nước.
- Cam kết thực hiện nghiêm chỉnh Luật bảo vệ môi trường năm 2020 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua;
- Cam kết chịu trách nhiệm trước Pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn, QCVN và các sự cố ảnh hưởng đến môi trường trong quá trình hoạt động.
- Cam kết tuân thủ an toàn lao động và các quy định về xây dựng, tài nguyên và môi trường./.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Giấy tờ pháp lý

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Giấy phép xây dựng.
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu.
- Giấy chứng nhận thỏa thuận về thiết kế và thiết bị PCCC.
- Hợp đồng thu gom chất thải nguy hại.

Phụ lục 2: Bản vẽ

Phụ lục 3: Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại